

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG**

Năm 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 23GP/KDBH
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 700.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: 19 Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028.6288 3030
- Số fax: 028.3822 7619
- Website: www.vass.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): không

Quá trình hình thành và phát triển:

- + Ngày 07/11/2003: thành lập theo Giấy phép thành lập số 23GP/KDBH.
- + Ngày 28/01/2004: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 72.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng và thành lập Chi nhánh Hà Nội.
- + Ngày 26/5/2004: thành lập thêm 05 chi nhánh: Miền Đông, Miền Trung, Miền Tây, Bình Dương và Khánh Hòa.
- + Ngày 19/8/2004: thành lập Chi nhánh Tây Ninh.
- + Ngày 14/12/2004: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 200.000.000.000 đồng.
- + Ngày 24/02/2005: thành lập các chi nhánh: Hải Phòng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Thừa Thiên – Huế, Thanh Hóa, Long An, Tiền Giang, Bình Định, Lâm Đồng.
- + Ngày 22/5/2006: thành lập chi nhánh Bình Thuận và chi nhánh An Giang.
- + Ngày 18/10/2006: thành lập các chi nhánh: Sơn La, Hưng Yên, Hòa Bình.
- + Ngày 13/02/2007: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng.
- + Ngày 06/11/2007: thành lập Văn phòng Miền Trung.
- + Ngày 30/12/2009: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 300.000.000.000 đồng lên 345.000.000.000 đồng.
- + Ngày 30/7/2010: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 345.000.000.000 đồng lên 375.000.000.000 đồng.
- + Ngày 03/11/2010: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 375.000.000.000 đồng lên 400.000.000.000 đồng.
- + Ngày 18/3/2011: thành lập chi nhánh Nam Sài Gòn, Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Thủ đô.
- + Năm 2012: thực hiện tái cấu trúc hoạt động của công ty: điều chỉnh giảm vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng xuống 40.000.000.000 đồng. Đồng thời, chấp thuận nhà đầu tư góp vốn thêm 260.000.000.000 đồng.
- + Ngày 30/5/2014: chấp thuận việc tăng vốn điều lệ lên thành 300.000.000.000 đồng.
- + Ngày 19/8/2014: thành lập các chi nhánh: Nghệ An, Quảng Ninh.
- + Ngày 16/5/2017: chấp thuận việc tăng vốn điều lệ lên thành 500.000.000.000 đồng.

+ Ngày 21/8/2019: Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc việc lãg vòn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.

+ Ngày 05/06/2020: Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh vòn điều lệ 700 tỷ đồng

Các sự kiện khác: không.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.
- Địa bàn kinh doanh (Nếu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

- Mô hình quản trị: quản trị theo các cấp quản trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban kiểm soát;
 - + Ban Tổng giám đốc;
 - + Lãnh đạo phòng/ban/đơn vị.
- Các công ty con, công ty liên kết:

4. *Định hướng phát triển*

- *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty*
 - + Kế hoạch doanh thu 1.200 tỷ đồng.
 - + Công ty chú trọng hiệu quả hơn là tốc độ tăng trưởng (tập trung các dòng sản phẩm khuyến khích khai thác).
 - + Tăng cường hợp tác với ngân hàng, nhằm giảm chi phí quản lý trong kinh doanh.
 - + Chọn lọc kinh doanh (những kinh doanh không hiệu quả (Con người, chi nhánh, sản phẩm) sẽ được loại bỏ khỏi hệ thống).
 - + Đảm bảo dòng tiền theo kế hoạch (Nợ, bồi thường, chi phí).
 - + Nợ phí bảo hiểm tối đa 2%.
 - + Tỷ lệ bồi thường trung bình toàn công ty 4%.
 - + Tỷ lệ tái tục trung bình toàn công ty 50%.
 - + Chi phí quản lý trụ sở chính 14,3%.
 - + Đạt mục tiêu lợi nhuận 50 tỷ.
- *Chiến lược phát triển trung và dài hạn*
 - + Tăng cường tuyển dụng nhân sự kinh doanh (đảm bảo chất lượng và số lượng).
 - + Phát triển kênh kinh doanh điện tử.
 - + Nâng cao việc phục vụ khách hàng.
 - + Tăng cường mối quan hệ các cơ quan ban ngành, ngân hàng, các tổ chức tín dụng.
 - + Tăng tỷ lệ tái tục hợp đồng.
 - + Tiếp tục chuẩn hóa về công tác quản lý toàn hệ thống bằng phần mềm.
 - + Tiến tới chuẩn hóa quản trị hệ thống theo ISO.
 - + Tiếp tục hoàn thiện và phát triển những sản phẩm, quyền lợi đạt hiệu quả. Nói không với việc chạy theo doanh thu và cạnh tranh phi kỹ thuật.

- + Nâng cao chất lượng nhân sự thông qua chính sách tuyển dụng, đào tạo và đãi ngộ, có chính sách đưa nhân sự ra nước ngoài đào tạo.
- + Tăng cường việc giám sát và thực thi linh tuân thủ toàn công ty.
- + Luôn luôn hoàn thiện và tối ưu hóa quy trình phù hợp với tình hình kinh doanh công ty.
- + Tăng cường công tác phòng chống trục lợi bảo hiểm.
- + Thực hành tiết kiệm.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty
 - + Tuân thủ các quy định của cơ quan chính phủ, đặc biệt là Bộ Tài chính.
 - + Cạnh tranh lành mạnh và tuân theo các quy định kỹ thuật trong bảo hiểm phi nhân thọ.
 - + Sản phẩm bảo hiểm phù hợp với người tiêu dùng Việt.
 - + Đảm bảo được lợi ích khách hàng, nhân viên và cổ đông.
 - + Mục tiêu lợi nhuận.
 - + Nơi làm việc mong đợi.
 - + Nơi đầu tư lý tưởng.
 - + Tăng cường đóng góp các chương trình vì đồng bào Việt.

5. Các rủi ro:

- Chịu sự áp lực cạnh tranh phi kỹ thuật, giảm giá, tăng chi phí nhằm tăng thị phần của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.
- Nhân sự kinh doanh luôn thay đổi hàng năm, ảnh hưởng đến kế hoạch doanh thu.
- Tình hình kinh tế thời covid-19 làm tăng khả năng trục lợi từ đại lý, cộng tác viên.
- Mức độ kết cấu đại lý giữa đại lý khách hàng ngày càng tinh vi, làm tăng khả năng trục lợi.
- Khách hàng ngày càng hiểu hơn về bảo hiểm, nên việc trục lợi gia tăng.
- Khí hậu thay đổi theo chiều hướng bất lợi (hạn hán, lũ, bão...), mật độ giao thông tăng, an toàn thực phẩm không bảo đảm là những nguyên nhân chính làm tăng tỷ lệ tổn thất.
- Dịch Covid-19 dẫn chưa kiểm soát được, làm thay đổi kế hoạch doanh thu.
- Đa số năng lực nhân sự chưa đạt chuẩn, chủ yếu là dựa vào kinh nghiệm, thiếu nhân sự được đào tạo chính quy chuyên ngành bảo hiểm.
- Đạo đức của nhân sự quản lý, nhất là nhân sự cấp cao.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Chỉ tiêu	Năm 2020
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1,764,044,521,693
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	23,581,381,612
4. Thu nhập khác	2,846,076,558
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1,180,434,135,142
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	21,510,892,041
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	548,578,664,833

9. Chi phí khác	4,514,771,572
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35,433,516,275
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35,433,516,275
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	576

- Các kết quả đạt được trong năm:

Năm 2020, công ty có lợi nhuận sau thuế là 35.433.516,275 đồng, là năm thứ 4 có lợi nhuận liên tục sau nhiều năm thua lỗ.

Về chiến lược kinh doanh, công ty vẫn tập trung vào thị trường bán lẻ ô tô, xe máy, tai nạn con người, sản phẩm bảo hiểm qua kênh ngân hàng.

- Đánh giá rà soát sản phẩm để tập trung phát triển những nghiệp vụ mang lại lợi nhuận, ngừng triển khai đối với những nghiệp vụ rủi ro cao, thua lỗ trong nhiều năm.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Năm	DTPS bảo hiểm gốc	DTTT bảo hiểm gốc	DTTT kế hoạch	Tỉ lệ hoàn thành KH
2020	1,698,493,094,211	1,665,163,175,534	1,700,000,000,000	98%
2019	2,732,139,484,104	3,010,583,201,329	2,000,000,000,000	150%
Tốc độ tăng so với năm trước	-38%	-45%		

Năm 2020 công ty hoàn thành 98% kế hoạch doanh thu thực thu. So với năm trước, tốc độ tăng doanh thu phát sinh giảm 38% so với năm 2019, doanh thu thực thu giảm 45% so với năm 2019

Doanh thu của công ty tập trung chủ yếu ở các sản phẩm bảo hiểm khai thác qua kênh ngân hàng.

Năm 2020 công ty có lợi nhuận trước 35,4 tỷ đồng, công ty thực hiện nhiều biện pháp như kiểm soát chi phí khai thác, chi phí bồi thường, và thực hiện tái bảo hiểm.

2. Tổ chức và nhân sự

* Danh sách và tóm tắt lý lịch Ban Điều Hành:

ÔNG ĐẶNG DIỆP ĐẠI KHOA – TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ về tài chính và bảo hiểm

Quá trình huấn luyện:

2013-2014 : Đào tạo về tính toán bảo hiểm và kế hoạch tài chính của Tập đoàn IAG – Australia.

2002-2006 : Viện tài chính và bảo hiểm – Đại học Claude Bernard Lyon 1 – Pháp, Thạc sỹ về tính toán bảo hiểm và tài chính.

2002 : TCF-500, Bộ giáo dục Pháp.

2002 : TOEFL-575

1998-2002 : Đại học kinh tế Tp. HCM. Cử nhân kinh tế, chuyên ngành tin học quản lý.

1995-1998 : Phổ thông trung học Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. HCM. Bằng tú tài.

Kinh nghiệm công tác:

09/2014 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.

03/2014 - 08/2014 : Phó Tổng giám đốc phụ trách Nghiệp vụ của Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.

01/2007 - 02/2014 : Giám đốc phát triển sản phẩm và định phí của Công ty CP Bảo hiểm AAA.

11/2012 - 05/2013 : Giám đốc phòng xe cơ giới của Công ty CP Bảo hiểm AAA.

09/2005 - 07/2006 : Nhân viên tính phí dự phòng của Công ty AXA life Insurance – Pháp.

ÔNG LƯƠNG HỒNG THÁP – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình huấn luyện:

2008: Tập đoàn Bảo hiểm AMTRUST – Vương Quốc Anh: Đào tạo về Bảo hiểm Thiết bị Điện tử
2007: ANZIF -Hiệp hội Bảo hiểm Australia và New Zealand: Chứng chỉ về Bảo hiểm Phi nhân thọ
2003: LIMRA - Hiệp hội Nghiên cứu Quản lý Bảo hiểm Nhân thọ: Chứng chỉ Quản lý Kinh doanh
1997-2001: Đại học Tây Nguyên, cử nhân Anh Văn

Kinh nghiệm công tác:

14/04/2015 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nghiệp vụ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.
09/2013 – 13/04/2015: Bảo hiểm Viễn Đông, Giám đốc Phòng Con người & Bancassurance.
06/2010 - 09/2013: Bảo hiểm AAA, Giám đốc CN Bắc Sài Gòn, Trưởng Phòng Quản lý & Đào tạo Đại lý-Trưởng Phòng BH Thiết bị điện tử.
10/2008 - 06/2010: Bảo hiểm AAA, Giám đốc Đắk Nông, Trưởng phòng Phát triển Sản phẩm mới kiêm Trưởng phòng BHCN & XCG.
06/2006 - 10/2008: Bảo hiểm AAA, Chuyên viên Phòng Quản lý & Phát triển Đại lý.
08/2004 - 05/2006: Bảo hiểm Viễn Đông, Chuyên viên nghiệp vụ Phòng Dự án & PTKD.
07/2001-04/2004: Bảo hiểm Nhân thọ Bảo Minh CMG, Trưởng phòng Kinh doanh tỉnh Kontum

BÀ LÊ QUỲNH TRANG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ khoa học bảo hiểm và tài chính

Quá trình huấn luyện:

2003-2004: Đại học Lyon 1 – Pháp, Thạc sỹ khoa học bảo hiểm và tài chính.

Kinh nghiệm công tác:

16/02/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Nghiệp vụ Bảo hiểm Ngân hàng tại Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.
07/2014-02/2017: Giám đốc tại Công ty CP Bảo hiểm AAA
10/2011-10/2013: Công tác tại Ngân hàng Phương Đông.
10/2009-10/2011: Công tác tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

ÔNG TẠ VĂN KIM - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cử nhân Kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

06/2015 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Phát triển Kinh doanh, Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.
2009 - 05/2015 : Giám đốc Chi nhánh Tiền Giang, Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.
2008 - 2009 : Trưởng phòng giám định PVI, Khu vực Sông Tiền, Công ty CP Bảo hiểm Dầu Khí.
1999 - 2008 : Giám định Chi nhánh Tiền Giang, Công ty CP Bảo hiểm Bảo Minh.
1995 - 1999 : Công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc tỉnh Tiền Giang.

BÀ NGUYỄN THỊ THU LÀ – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cử nhân Kế toán

Kinh nghiệm công tác:

2018 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông
2016 - 2017: Giám đốc tài chính Công ty CP Nước Aquaone Hậu Giang

2004 - 2016: Kế toán Trường Liên minh HTX Việt Nam

1997 - 2004: Kế toán Liên hiệp xã Trung Ương

- * Những thay đổi trong Ban điều hành: Trong năm 2020, bộ máy Điều hành của công ty không có thay đổi.
- * Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
 - Số lượng cán bộ nhân viên toàn công ty năm 2020: 365 cán bộ
 - Tóm tắt chính sách:
 - Tiền lương: thực hiện theo hệ thống thang bảng lương đã đăng ký với cơ quan lao động.
 - BHXH, YT, TN, BNN- TNLD: Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, YT, TN theo Luật lao động và các luật liên quan.
 - Chính sách khen thưởng: Căn cứ vào hiệu quả của Công ty đạt được.
 - Đào tạo: Theo quy chế đào tạo của Công ty.
 - Chính sách nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản: theo quy định của pháp luật và theo thỏa ước lao động tập thể.

Chưa có thay đổi trong chính sách Nhân sự.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm công ty có khoản tiền gửi tiết kiệm ngân hàng 268 tỷ

b) Các công ty con, công ty liên kết:

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm/Year	Năm/Year	% tăng giảm/ % change
	2019	2020	
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	1,367,192,136,034	1,355,688,425,156	-0.84%
Doanh thu thuần	2,886,753,574,395	1,764,044,521,693	-38.89%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	85,481,325,895	37,102,211,289	-56.60%
Lợi nhuận khác	6,468,658,364	-1,668,695,014	-125.80%
Lợi nhuận trước thuế	91,949,984,259	35,433,516,275	-61.46%
Lợi nhuận sau thuế	91,949,984,259	35,433,516,275	-61.46%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,839	576	-68.67%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm/Year	Năm/Year	Ghi chú/Note
	2019	2020	
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.583	0.819	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.583	0.818	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
Short term Asset - Inventories			
Short term Debt			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.921	0.746	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	11.621	2.944	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2.111	1.301	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.032	0.020	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.849	0.103	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.067	0.026	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.03	0.021	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 70.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông tổ chức: 20 cổ đông.
- Cổ đông cá nhân: 805 cổ đông.
- Cổ đông nước ngoài: không
- Cổ đông nhà nước: không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
 - Số lượng cán bộ nhân viên toàn công ty năm 2020: 365 cán bộ
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Tiền lương: thực hiện theo hệ thống thang bảng lương đã đăng ký với cơ quan lao động.
 - BHXH, YT, TN, BNN- TNIĐ: Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, YT, TN theo Luật lao động và các luật liên quan.
 - Chính sách khen thưởng: Căn cứ vào hiệu quả của Công ty đạt được.
 - Đào tạo: Theo quy chế đào tạo của Công ty.
 - Chính sách nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản: theo quy định của pháp luật và theo thỏa ước lao động tập thể.

Chưa có thay đổi trong chính sách Nhân sự.

- c) Hoạt động đào tạo người lao động
 - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
 - + Số giờ đào tạo trung bình hàng năm: 40 giờ/năm;
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: cán bộ được cử đi đào tạo tại các khóa đào tạo của Trung tâm nghiên cứu và Đào tạo bảo hiểm, các khóa đào tạo ngắn hạn và chuyên sâu do các tổ chức đào tạo về bảo hiểm khác tổ chức theo nhu cầu học tập của chính cán bộ công nhân viên hoặc theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Không.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019
Doanh thu thực thu toàn công ty	1.700 tỷ đồng	1.737 tỷ đồng	2.873 tỷ đồng
Đảm bảo tỷ lệ chuyên tiền theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
Chi phí quản lý trụ sở chính	14,3%	14,3%	14,30%
Nợ phí bảo hiểm tối đa	2,00%	2,00%	2,00%
Tỷ lệ bồi thường trung bình toàn công ty	4%	5%	2,5%
Tỷ lệ tái tục trung bình toàn công ty	50%	50%	50%
Lãi/Lỗ	50 tỷ	35.4 tỷ	92 tỷ

Kết quả lợi nhuận thấp hơn so với kế hoạch 15 tỷ, và tỷ lệ tổn thất tăng 1% so với kế hoạch. Nguyên nhân là lợi nhuận khác giảm nhiều so với năm trước, gần 8 tỷ. Tỷ lệ tổn thất tăng.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Kết quả kinh doanh năm 2020 vượt kế hoạch đặt ra và đạt 1.737 tỷ.
- Duy trì lợi nhuận trong 4 năm liền.
- Các chỉ số kế hoạch đặt ra đều đạt.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của công ty thể hiện ở bảng dưới đây:

TÀI SẢN	2020	2019	tăng(+) giảm (-)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	748,729,649,902	672,511,596,175	76,218,053,727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	205,168,356,482	70,413,606,480	134,754,750,002
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	87,608,592,849	110,033,705,199	(22,425,112,350)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	156,164,131,521	234,173,314,311	(78,009,182,790)
IV. Hàng tồn kho	528,495,269	675,398,081	(146,902,812)
V. Tài sản ngắn hạn khác	49,063,689,402	91,748,473,910	(42,684,784,508)
VI. Tài sản tái bảo hiểm	250,196,384,379	165,467,098,194	84,729,286,185
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	606,958,775,254	694,680,539,859	(87,721,764,605)
I. Các khoản phải thu dài hạn	32,181,914,333	35,343,472,952	(3,161,558,619)
II. Tài sản cố định	394,813,536,119	383,913,949,156	10,899,586,963
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	179,694,706,945	275,077,706,945	(95,383,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	268,617,857	345,410,806	(76,792,949)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,355,688,425,156	1,367,192,136,034	(11,503,710,878)
Tỉ số tài chính			
1. Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	2.6%	6.7%	
2. Hiệu quả sử dụng tài sản(Doanh thu thuần/tổng tài sản)	127%	210%	

- Tổng tài sản năm 2020 là 1,355,688,425,156 đồng, giảm 11,503,710,878 đồng so với năm 2019.
- Hiệu quả sử dụng tài sản trong năm 2020 giảm so với năm 2019, do doanh thu thuần năm 2020

giảm so với năm 2019.

- Năm 2020 tỷ suất sinh lời là 2,6%, giảm 61% so với năm 2019.

b. Tình hình nợ:

Chỉ tiêu	2020	2019	Tăng(+) giảm (-)
A. NỢ PHẢI TRẢ	1,011,926,270,035	1,258,863,497,188	(246,937,227,153)
I. Nợ ngắn hạn	914,246,397,711	1,152,806,247,400	(238,559,849,689)
II. Nợ dài hạn	97,679,872,324	106,057,249,788	(8,377,377,464)
Các chỉ số tài chính			
Tỷ số nợ (Tổng nợ/tổng tài sản)	75%	92%	
Tỷ suất sinh lời trên vốn CSII (LN sau thuế/vốn CSII)	10%	85%	

- Tổng nợ phải trả trong năm 2020 giảm đáng kể so với trong năm 2019 là (246.937,227,153) đồng và chủ yếu giảm ở nợ ngắn hạn. Tỷ số nợ cũng giảm đáng kể, hiện tỷ số nợ là 75%. Về tỷ suất sinh lời trên vốn sở hữu đạt 10%, thấp hơn năm 2019, do vốn chủ sở hữu của công ty tăng thêm khoảng 240 tỷ trong năm 2020.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Trong năm 2020 về mặt quản trị rủi ro, vẫn dựa trên các quy định của năm 2016 và hoàn thiện cho phù hợp với thị trường từng năm.
- Trong năm 2020, VASS tiếp tục tập trung vào việc phát triển qua kênh bancass.
- Tăng cường việc thu đòi công nợ và cơ chế tài cụ thể.
- Tiếp tục nâng cấp hệ thống phần mềm nhằm chuẩn hóa việc quản lý của các phòng ban thẩm định, giám định, bồi thường, tài chính, kế toán và tài bảo hiểm.
- Đã triển khai hệ thống kinh doanh điện tử (Lian), đặc biệt là cấp giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự điện tử.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tập trung phát triển phân khúc bancass, tổ chức và cá nhân (thực hiện việc kinh doanh theo cấp, giám đốc, trưởng đơn vị, đại lý), tăng cường việc đào tạo.
- Chuẩn hóa việc quản lý nhân sự, hành chính bằng phần mềm.
- Tăng cường các dòng sản phẩm mới cho phân khúc thu nhập trung bình và thấp.
- Phân tích sản phẩm đi sâu tới quyền lợi bảo hiểm, nhằm tận dụng tối đa lợi ích, để đẩy mạnh vào thị trường.
- Tăng cường tỷ lệ tái tục và việc phục vụ khách hàng.
- Duy trì doanh thu là 1.200 tỷ và đạt hiệu quả lợi nhuận.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

- **Ý kiến kiểm toán (1):** “Về khoản phải thu dài hạn là 84.648.685.636 đồng tồn tại từ năm 2010, 2011 được đánh giá không thể thu hồi. Công ty tiến hành lập 65% số dư nợ gốc nên chưa dự phòng đầy đủ khoản phải thu khó đòi này. Nếu tiến hành xử lý và trích lập dự phòng đủ tỷ lệ 100% cho các khoản phải thu khó đòi này thì ảnh hưởng đến khoản mục tài sản trên bảng cân đối kế toán và nguồn vốn chủ sở hữu giảm là 29.627.039.973 đồng. Đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" cũng giảm lãi thêm một khoản tương ứng”.

VASS xin giải trình như sau: Năm 2012, VASS thực hiện tái cấu trúc theo yêu cầu của Bộ tài chính. Nhà đầu tư mới góp vốn vào VASS và đã thực hiện rà soát lại các khoản phải thu phải trả. Khoản phải thu dài hạn là 84.648.685.636 đồng là khoản phải thu tồn tại từ giai đoạn trước (phải thu của các cá nhân Lê Trọng Khởi và Nguyễn Huy Hoàng từ những năm 2010, 2011). Hiện tại VASS đã trích dự phòng phải thu khó đòi được 65%, tương ứng số tiền 55,021,645,663 đ. Số còn lại VASS sẽ tiếp tục trích lập dự phòng trong các năm tiếp theo. Bên cạnh đó VASS đang tiếp tục phát văn bản và tìm các biện pháp để thu hồi công nợ của các cá nhân này nhằm đảm bảo dòng tiền và nguồn vốn cho VASS.

- **Ý kiến kiểm toán (2):** “Đến ngày lập báo cáo này, Chúng tôi vẫn chưa nhận được các thư xác nhận số dư tại ngày 31/12/2020 cho các khoản phải thu và phải trả của hoạt động nhận tái và nhượng tái bảo hiểm. Chúng tôi đã thực hiện thủ tục kiểm toán thay thế khác nhưng vẫn không đạt được đầy đủ các bằng chứng cho tính đầy đủ, chính xác và nghĩa vụ nợ của các khoản này. Các ảnh hưởng như sau: Số dư ghi sổ tại ngày 31/12/2020, của khoản phải thu hoạt động nhận và nhượng tái bảo hiểm chiếm tỷ lệ 2,38% trên tổng tài sản và của các khoản phải trả hoạt động nhận và nhượng tái bảo hiểm chiếm tỷ lệ 4,68% trên tổng nợ phải trả. Tổng doanh thu ghi sổ từ hoạt động nhận và nhượng tái trong năm chiếm 2,54% trên tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Tổng chi từ hoạt động nhận tái bảo hiểm chiếm 1,63% trên tổng chi từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.”

VASS xin giải trình như sau: Hoạt động nhận nhượng tái có đặc thù riêng, đặc biệt là nhận nhượng với các nhà tái nước ngoài. Các nhà tái sẽ căn cứ vào các các hợp đồng tái cố định và tái tạm thời giữa để thực hiện nhận nhượng tái với nhau. Và thường khi thanh toán công nợ thì các nhà tái sẽ gửi các xác nhận công nợ để yêu cầu thanh toán, vì vậy đôi khi việc xác nhận công nợ chưa kịp thời so với thời điểm ghi nhận phát sinh. Trong thời gian tới, VASS sẽ làm việc với các nhà tái hoặc cung cấp nhiều nhất có thể các chứng từ chứng minh thay thế để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của các công nợ này.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Việc tiêu thụ điện nước và chất thải không thay đổi giữa các năm và có khuynh hướng tiết kiệm, theo tiêu chí, 1 đồng chi phí tiết kiệm là 1 đồng lợi nhuận

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Lao động là lực lượng chủ yếu quyết định sự phát triển của công ty, vấn đề mất lao động có đạo đức và giới cũng đặt lên hàng đầu.
- Mọi yếu tố rủi ro trong công ty, đều xuất phát từ rủi ro trong quản trị nhân sự.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn có chính sách nhà tình thương, tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo hàng năm.

- Công ty luôn có chính sách nhà tình thương, tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo hàng năm.
- Chương trình xây cầu ủng hộ các vùng sâu, vùng xa. Đóng góp các quỹ cứu trợ thiên tai, theo lời kêu gọi của chính quyền địa phương.
- Tham gia và tài trợ các tổ chức, hoạt động của các cơ quan chính phủ ban ngành được tổ chức hàng năm.
- Luôn cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ và tuân thủ theo các quy định của cơ quan pháp luật.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

Công ty thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã được Đại hội thông qua.

Duy trì công tác giám sát: Phòng Kiểm soát nội bộ và tuân thủ kiểm tra tính tuân thủ của Ban điều hành trong công tác tổ chức thực hiện chủ trương của HĐQT, đồng thời kiểm tra tính tuân thủ của các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống.

Công ty luôn có chính sách hỗ trợ người nghèo, các hoạt động xã hội hàng năm.

Tuân thủ quy định pháp luật liên quan.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc đều dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Tiếp tục mở rộng kênh bán bảo hiểm qua ứng dụng điện thoại di động - ứng dụng bảo hiểm LIAN;
- Tăng cường công tác đánh giá rủi ro đầu vào để kiểm soát tốt tỷ lệ bồi thường; đặt ra nhiệm vụ cụ thể đối với Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm soát nhằm hạn chế mức thấp nhất những rủi ro, từng bước giảm lỗ lũy kế để tiến đến có lãi trong hoạt động kinh doanh.
- Duy trì công tác xử lý giảm thiểu công nợ và thu hồi công nợ. Tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro thông qua các phòng ban chức năng,
- Nâng cao trình độ nhân viên trên cơ sở có sự quản lý đồng bộ từ Trụ sở chính đến đơn vị kinh doanh và đánh giá đúng năng lực để có cơ chế đào tạo, khuyến khích phù hợp. Đề cao công tác đào tạo kỹ năng bán hàng cho cán bộ nhân viên trong công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ công tác quản lý của công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Danh sách thành viên HĐQT:
 - + Bà Đỗ Thị Minh Đức - Chủ tịch;
 - + Bà Trương Ngô Sen - Phó chủ tịch;
 - + Bà Phạm Phương Chi - Thành viên.
 - + Ông Nguyễn Quang Vinh - Thành viên;
 - + Ông Lương Hồng Tháp - Thành viên
- Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:
 - Bà Đỗ Thị Minh Đức: 14.300 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.0286%
- Thành viên độc lập: không.
- Thành viên không điều hành: 02
 - + Bà Phạm Phương Chi
 - + Ông Nguyễn Quang Vinh
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:
 - + Bà Đỗ Thị Minh Đức : 01 chức danh;
 - + Bà Trương Ngô Sen: 01 chức danh;

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Ngày 17/1/2020 : họp HĐQT về việc thông qua kết quả kinh doanh năm 2019 và định hướng kinh doanh 2020.
- Ngày 15/4/2020 : họp HĐQT về việc báo cáo kết quả kinh doanh Quý 1/2020.
- Ngày 04/5/2020 : họp HĐQT về việc thông qua kết quả kinh doanh Quý 1/2020 và dự kiến chương trình tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020.
- Ngày 25/6/2020 : họp HĐQT về việc đảm bảo biên khả năng thanh toán trong năm 2020.
- Ngày 30/6/2020 : tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020.
- Ngày 30/7/2020 : họp HĐQT về việc báo cáo kết quả kinh doanh Quý 2/2020.
- Ngày 30/10/2020 : họp HĐQT về việc về báo cáo kết quả kinh doanh Quý 3/2020.
- Ngày 29/12/2020 : họp HĐQT về việc bổ nhiệm chức danh Phó TGD Nguyễn Thị Thu Hà và Phó TGD Huỳnh Thái Hòa.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Danh sách thành viên Ban kiểm soát:
 - + Ông Trần Đức Hoài - Trưởng Ban;
 - + Ông Đinh Hữu Thuận - Thành viên;
 - + Bà Đặng Thị Phương - Thành viên.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và chứng khoán khác:
Ông Đinh Hữu Thuận: 800 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.0016%.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm, BKS tiến hành các cuộc họp như sau:
 - + 05/2020 : Họp v/v phân công các thành viên chuẩn bị cho nội dung Họp ĐHĐCĐ 2020
 - + 6/2020 : Họp v/v thống nhất báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ
 - + 08/2020 : Họp rà soát báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020
- Hoạt động của BKS tập trung các vấn đề sau:
 - + Giám sát, kiểm tra việc tuân thủ Điều lệ và các quy định pháp luật đối với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác.
 - + Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị Quyết của Đại Hội đồng Cổ đông đối với HĐQT.
 - + Rà soát, đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm.
 - + Tham dự các cuộc họp của HĐQT với nội dung đánh giá tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh.
 - + Phối hợp với Phòng Kiểm soát nội bộ - Tuân thủ, P kế toán tập trung nhằm kiểm tra, giám sát tính tuân thủ của các Đơn vị, nhân viên đối với các qui định, chính sách và qui chế nội bộ của Công ty.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông đạt được kết quả tốt đẹp.
- Hội đồng quản trị (HDQT), Ban điều hành tuân thủ Điều lệ, các quy định pháp luật hiện hành.
- HDQT được thiết lập, cùng với sự giám sát HĐQT, Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty, với quyền hành và phân nhiệm thích hợp để theo đuổi các mục tiêu.
- Ban hành các Quy chế quản trị công ty, quy chế tổ chức và hoạt động chi nhánh, Phân quyền HĐQT và TGD, các ủy quyền của TGD cho các PTGD và Lãnh đạo trực tiếp khác.
- Ban điều hành duy trì một cách thường xuyên cuộc họp giao ban hàng tuần giữa các thành viên Ban Tổng giám đốc, và họp Công ty hàng tháng với Lãnh đạo các phòng ban nhằm xem xét và giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc.
- Các Nghị quyết, các Quyết định của HDQT, phù hợp với mục tiêu của Công ty, chính sách, chế độ quy định. Ban Điều hành luôn thực thi theo Quyết định của HDQT.
- Ban Kiểm soát được cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình tài chính của Công ty như Báo cáo tài chính các Quý / Năm và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; Được trao đổi và tham gia ý kiến với HĐQT và Ban điều hành trong các cuộc họp được mời tham dự.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Lương, thưởng, thù lao cho HĐQT và BKS: 1.278 tỷ đồng/2 tỷ đồng/năm.
- Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý: theo mức lương tại thang/bảng lương đã thực hiện đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: không.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo quan điểm của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng các vấn đề nêu trên tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty cổ phần Bảo Hiểm Viễn Đông, tên tiếng anh là Vien Dong Assurance Corporation (tên viết tắt là VASS) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 07/11/2003 và đăng ký thay đổi lần 23 ngày 05/06/2020 về việc tăng vốn. Thời gian hoạt động: 50 năm.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần đại chúng lớn.

Hoạt động chính của Công ty:

Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh: **Kinh doanh bảo hiểm gốc:** Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm con người; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm con người; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm cháy nổ; Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; Bảo hiểm trách nhiệm chung; Bảo hiểm rủi ro tài chính; Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh; Bảo hiểm nông nghiệp. **Kinh doanh tái bảo hiểm:** Nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ. Các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính: 19 Phùng Khắc Khoan, Phường Da Kao, Quận 1, Tp.HCM.

Công ty có trụ sở chính tại Tp. HCM, 26 chi nhánh và 29 đơn vị kinh doanh/văn phòng dịch vụ khách hàng trên toàn quốc.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Đỗ Thị Minh Đức	Chủ tịch	30/06/2014	
Bà Trương Ngô Sen	Phó Chủ tịch	14/05/2015	
Bà Phạm Phương Chi	Thành viên	14/05/2015	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	21/06/2019	
Ông Lương Hồng Tháp	Thành viên	21/06/2019	

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIÊN ĐÔNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Kiểm soát

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đức Hoài	Trưởng ban	21/06/2019	
Bà Đặng Thị Phương	Thành viên	21/06/2019	
Ông Đinh Hiếu Thuận	Thành viên	14/05/2015	

Ban Tổng Giám đốc

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Diệp Đại Khoa	Tổng Giám Đốc	12/09/2014
Bà Lê Quỳnh Trang	Phó Tổng Giám đốc	10/03/2017
Ông Tạ Văn Kim	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2015
Ông Lương Hồng Tháp	Phó Tổng Giám đốc	14/05/2015

Kế toán trưởng

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	01/01/2018

Người đại diện theo pháp luật

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Diệp Đại Khoa	Tổng Giám Đốc	12/09/2014

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán đã đăng ký được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2021



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trương Ngô Sen



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số:A0620216-R/AISC-DN4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Viễn Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông ("Công ty"), được lập ngày 26/03/2021, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

(1) Như đã trình bày, tại mục V.3a của "Thuyết minh báo cáo tài chính" về khoản phải thu dài hạn là 84.648.685.636 đồng tồn tại từ năm 2010, 2011 được đánh giá không thể thu hồi. Công ty tiến hành lập 65% số dư nợ gốc nên chưa dự phòng đầy đủ khoản phải thu khó đòi này. Nếu tiến hành xử lý và trích lập dự phòng đủ tỷ lệ 100% cho các khoản phải thu khó đòi này thì ảnh hưởng đến khoản mục tài sản trên bảng cân đối kế toán và nguồn vốn chủ sở hữu giảm là 29.627.039.973 đồng. Đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" cũng giảm lại thêm một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

(2) Đến ngày lập báo cáo này, Chúng tôi vẫn chưa nhận được các thư xác nhận số dư tại ngày 31/12/2020 cho các khoản phải thu và phải trả của hoạt động nhận tái và nhượng lại bảo hiểm. Chúng tôi đã thực hiện thủ tục kiểm toán thay thế khác nhưng vẫn không đạt được đầy đủ các bằng chứng cho tính đầy đủ, chính xác và nghĩa vụ nợ của các khoản này. Các ảnh hưởng như sau: Số dư ghi số tại ngày 31/12/2020, của khoản phải thu hoạt động nhận và nhượng tái bảo hiểm chiếm tỷ lệ 2,38% trên tổng tài sản và của các khoản phải trả hoạt động nhận và nhượng tái bảo hiểm chiếm tỷ lệ 4,68% trên tổng nợ phải trả. Tổng doanh thu ghi số từ hoạt động nhận và nhượng tái trong năm chiếm 2,54% trên tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Tổng chi từ hoạt động nhận tái bảo hiểm chiếm 1,63% trên tổng chi từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo quan điểm của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng các vấn đề nêu trên tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh VIII.2 thông tin về tính hoạt động liên tục. Đến 31/12/2020, Ban Tổng Giám đốc hiểu rõ tình hình Công ty đang có các dấu hiệu ảnh hưởng tính hoạt động liên tục. Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty vẫn sẽ hoạt động liên tục trong tương lai dựa trên bảng kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc về các hành động cải thiện khả năng hoạt động liên tục cùng với sự hỗ trợ vốn từ cổ đông mới và sự hợp tác cơ cấu và giãn nợ của các chủ nợ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2019, đã được kiểm toán vào ngày 26 tháng 03 năm 2020 có ý kiến kiểm toán ngoại trừ và vấn đề lưu ý. Các điểm ngoại trừ và các vấn đề lưu ý năm trước, Công ty chưa giải quyết, được nhắc lại trong Báo cáo kiểm toán năm nay.

Tp.HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2021



Huyền Tiểu Phụng

Số ĐKLIKKT: 1269-2018-005-1

Do Bộ Tài Chính Việt Nam Cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Võ Thị Xuân Quỳnh

Số ĐKLIKKT: 4274-2018-005-1

Do Bộ Tài Chính Việt Nam Cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		749.711.315.014	672.511.596.175
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	205.168.356.482	70.413.606.480
1. Tiền	111		15.168.356.482	10.413.606.480
2. Các khoản tương đương tiền	112		190.000.000.000	60.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	87.608.592.849	110.033.705.199
1. Đầu tư ngắn hạn	121		89.883.916.096	111.938.916.096
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.275.323.247)	(1.905.210.897)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.145.796.633	234.173.314.311
1. Phải thu của khách hàng	131	V.03a	99.316.477.844	64.765.904.185
2. Trả trước cho người bán	132	V.03b	585.445.902	13.363.175.463
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.04	80.691.018.924	177.859.165.055
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.03a-04	(23.447.146.037)	(21.814.930.692)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	528.495.269	675.398.081
1. Hàng tồn kho	141		528.495.269	675.398.081
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.063.689.402	91.748.473.910
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	49.063.689.402	91.748.473.910
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		48.082.218.509	77.298.785.465
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		981.470.893	14.449.688.445
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	V.07	250.196.384.379	165.467.098.194
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		235.056.196.932	152.186.174.109
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		15.140.187.447	13.280.924.085

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		605.977.110.142	694.680.539.859
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		31.200.249.221	35.343.472.952
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03a	84.648.685.636	84.648.685.636
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.04	1.573.209.248	1.483.998.698
4.1. Kỳ quỹ, kỳ cược	218.1		1.573.209.248	1.483.998.698
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.03a	(55.021.645.663)	(50.789.211.382)
II. Tài sản cố định	220		394.813.536.119	383.913.949.156
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	248.044.786.119	254.195.949.156
- Nguyên giá	222		267.398.370.431	267.285.492.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.353.584.312)	(13.089.543.054)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	146.768.750.000	128.914.000.000
- Nguyên giá	228		150.428.150.000	131.124.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.659.400.000)	(2.210.150.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	-	804.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	179.694.706.945	275.077.706.945
1. Đầu tư vào công ty con	251		72.405.000.000	68.755.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	253		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		176.424.423.358	275.457.423.358
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(69.134.716.413)	(69.134.716.413)
V. Tài sản dài hạn khác	260		268.617.857	345.410.806
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	268.617.857	345.410.806
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.355.688.425.156	1.367.192.136.034

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.011.926.270.035	1.258.863.497.188
I. Nợ ngắn hạn	310		914.246.397.711	1.152.806.247.400
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	12.579.188.452	8.275.862.064
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	85.228.475.072	83.334.768.674
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		56.947.481.789	54.813.241.634
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		28.280.993.283	28.521.527.040
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	-	139.242
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1.697.330.938	2.128.966.703
5. Phải trả người lao động	315	V.15	12.784.175.623	1.950.944.085
6. Chi phí phải trả	316	V.16	19.961.988	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	51.527.117.717	261.866.911.630
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	V.18	13.729.891.730	311.032.546
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	V.19	736.680.256.191	794.937.622.456
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		439.252.155.569	477.855.049.648
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		76.347.809.196	111.974.093.193
13.2. Dự phòng dao động lớn	329.3		221.080.291.426	205.108.479.615
II. Nợ dài hạn	330		97.679.872.324	106.057.249.788
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	97.241.379.324	105.517.241.388
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.20	438.493.000	540.008.400
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		343.762.155.121	108.328.638.846
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	343.762.155.121	108.328.638.846
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(102.600.000)	(102.600.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		2.371.872.054	2.371.872.054
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(358.507.116.933)	(393.940.633.208)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước</i>	<i>421.1</i>		<i>(393.940.633.208)</i>	<i>(485.890.617.467)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	<i>421.2</i>		<i>35.433.516.275</i>	<i>91.949.984.259</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.355.688.425.156	1.367.192.136.034

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hà

Tp HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đặng Diệp Đại Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		1.764.044.521.693	2.886.753.574.395
2. Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	11		-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.06	23.581.381.612	4.505.728.147
4. Thu nhập khác	13	VI.09	2.846.076.558	7.620.502.411
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		1.180.434.135.142	1.857.895.407.165
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.07	21.510.892.041	20.444.896.358
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	VI.08	548.578.664.833	927.437.672.824
9. Chi phí khác	24	VI.10	4.514.771.572	1.151.844.047
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50-10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50		35.433.516.275	91.949.984.259
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	-
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60-50-51-52)	60		35.433.516.275	91.949.984.259
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	576	1.839
15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	80	VI.13	576	1.839

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=1.1+1.2-1.3)	01	VI.01	1.736.903.731.908	2.872.310.331.000
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1.698.493.094.211	2.732.139.484.104
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		(192.256.382)	1.130.291.219
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(38.602.894.079)	(139.040.555.677)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02.1-02.2)	02	VI.02	18.249.634.010	3.959.802.200
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		101.119.656.833	47.694.372.588
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		82.870.022.823	43.734.570.388
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		1.718.654.097.898	2.868.350.528.800
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04	VI.03	45.390.423.795	18.403.045.595
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		45.390.423.795	18.403.045.595
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		-	-
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		1.764.044.521.693	2.886.753.574.395
6. Chi phí bồi thường	11		91.092.116.754	99.529.125.573
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1		91.092.116.754	99.529.125.573
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		-	-
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		29.841.577.573	26.920.158.489
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(35.626.283.997)	(18.440.229.246)
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		1.859.263.362	(18.893.348.510)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15	VI.04	23.764.991.822	73.062.086.348
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16	V.19	15.971.811.811	26.855.754.028
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	VI.05	1.140.697.331.509	1.757.977.567.089
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		349.178.660.425	569.400.765.129
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		791.518.671.084	1.188.576.801.960
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		1.180.434.135.142	1.857.895.407.465
14. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		583.610.386.551	1.028.858.166.930

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		-	-
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20-21)	22		-	-
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.06	23.581.381.612	4.505.728.147
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.07	21.510.892.041	20.444.896.358
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		2.070.489.571	(15.939.168.211)
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	548.578.664.833	927.437.672.824
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		37.102.211.289	85.481.325.895
23. Thu nhập khác	31	VI.09	2.846.076.558	7.620.502.411
24. Chi phí khác	32	VI.10	4.514.771.572	1.151.844.047
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.668.695.014)	6.468.658.364
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		35.433.516.275	91.949.984.259
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	-	-
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		35.433.516.275	91.949.984.259
30. Lãi trên cổ phiếu	70	VI.12	576	1.839
31. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	80	VI.13	576	1.839

Tp. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Thanh Loan

Nguyễn Thị Thu Hà

Đặng Diệp Đại Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.433.516.275	91.949.984.259
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8.9	8.595.336.673	5.798.353.270
- Các khoản dự phòng	03		6.234.761.976	3.519.045.078
- Các khoản dự phòng nghiệp vụ			(142.986.652.450)	(155.466.252.773)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(18.328.629)	60.446.810
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.6.10	(23.750.737.543)	(4.500.811.270)
- Chi phí lãi vay	06	VI.7	15.406.126.811	20.902.096.986
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(101.085.976.887)	(37.737.137.640)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		76.110.091.783	635.357.330.060
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		146.902.812	(339.418.385)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(184.707.325.212)	(39.502.895.624)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		42.761.577.457	(3.270.748.303)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.7	(15.406.126.811)	(20.902.096.986)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(182.180.856.858)	533.605.033.122
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(20.298.923.636)	(382.032.519.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		190.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		(192.256.929.511)	(449.543.827.158)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		313.344.929.511	206.700.000.000
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(3.650.000.000)	(14.355.000.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	125.000.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	VI.6	23.559.828.452	4.500.811.270
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		120.889.813.907	(509.730.534.979)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị (tính): Đồng Việt Nam

CHI TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	V.21	200.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	235.198.409.856	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(239.170.945.532)	(19.506.896.548)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Có tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		196.027.464.324	(19.506.896.548)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		134.736.421.373	4.367.601.595
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		70.413.606.480	66.106.451.695
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		18.328.629	(60.446.810)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.01	205.168.356.482	70.413.606.480

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hà

Tp.HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc



Đặng Diệp Đại Khoa